

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ – ST  
Ngày 22 tháng 6 năm 2022  
“V/v Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Nhung
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà V Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hồng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 280/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị V Thị Kim V, sinh năm 1977, (có mặt).

Nơi cư trú: phường X, thành phố P, tỉnh V Phúc.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1972, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: phường X, thành phố P, tỉnh V Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2021 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị V Thị Kim V trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Thái B kết hôn ngày 21 tháng 02 năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chuyển về tỉnh V Phúc ở từ đó đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 07 năm đầu, từ năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về tình cảm vợ chồng, về cách nuôi dạy con. Trong khoảng thời gian từ năm 2007 đến nay chị và anh B không có tiếng nói chung, vợ chồng có nhiều lần sống ly thân nhưng vì các con nên cả hai lại về ở cùng nhau. Nhưng vẫn không cải thiện được quan hệ vợ chồng. Đến tháng 9 năm 2021 chị chuyển về ở cùng với bố mẹ đẻ chị, còn anh B ở nhà chung của hai vợ chồng tại Phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn V Thảo D, sinh ngày 19/6/2000 và cháu Nguyễn Thái Anh V, sinh ngày 02/10/2008. Hiện tại cháu V đang ở cùng chị, cháu D đã trưởng thành đi làm và tự lo cho bản thân. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Hiện tại chị đang ở cùng nhà với bố mẹ chị tại phường X, thành phố P và chị làm giáo viên tại Trường Dân tộc nội trú đóng tại xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, thu nhập bình quân hàng tháng của chị khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, các khoản vay, cho vay và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Thái B vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh B trình bày:*

Anh thừa nhận anh và chị V Thị Kim V kết hôn vào ngày 21/02/2000 được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau khi kết hôn anh chị sống tại tỉnh V Phúc, tình cảm vợ chồng những năm đầu bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ năm 2011 đến nay, nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai không tìm được tiếng nói chung nên chị V đã chuyển về ở với bố mẹ đẻ từ tháng 9 năm 2021, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Do vậy, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

- Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn V Thảo D, sinh ngày 19/6/2000 và Nguyễn Thái Anh V, sinh ngày 02/10/2008. Hiện tại cháu D đã trên 18 tuổi, đã đến tuổi trưởng thành và cháu đang đi làm, có thể tự lo cho bản thân nên anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu V hiện đang là học sinh trường Trung học cơ sở Xuân Hòa và đang ở cùng chị V. Ly hôn anh đồng ý để chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu V cùng chị V 2.000.000 đồng/ 01 tháng kể từ thời điểm tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho anh và chị V Ly hôn.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị V Thị Kim V được ly hôn với anh Nguyễn Thái B.

- Về con chung: Giao chị V Thị Kim V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thái Anh V, sinh ngày 02/10/2008. Anh Nguyễn Thái B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V 2.000.000đồng/ tháng kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm: Chị V Thị Kim V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thái B nhưng anh B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị V Thị Kim V khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung với anh Nguyễn Thái B. Hiện tại anh B đang sinh sống tại: Phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Sơn, huyện thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ ngày 21 tháng 02 năm 2000 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên nơi chị V, anh B sinh sống xác nhận: Hiện tại chị V và anh B là công dân cư trú tại tổ 8, phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đang sống ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Ngoài ra, địa phương xác nhận vợ chồng chị V, anh B có hai con chung là Nguyễn V Thảo D, sinh ngày 19/6/2000 và Nguyễn Thái Anh V, sinh ngày 02/10/2008. Hiện tại chị V đang làm giáo viên, còn anh B làm nghề lái xe tự do. Cả hai đều có đủ điều kiện để nuôi con. Nay chị V làm đơn xin ly hôn anh B phía địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc chị V làm đơn xin ly hôn anh B vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về tình cảm và cách nuôi dạy con. Từ tháng 9 năm 2021 anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Chị V làm đơn xin ly hôn và anh B đồng ý nhưng đề nghị giải quyết vắng mặt. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V với anh B.

[4] Về con chung: Chị V và anh B đều thừa nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn V Thảo D, sinh ngày 19/6/2000 và Nguyễn Thái Anh V, sinh ngày 02/10/2008. Hiện tại cháu D đã trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành và tự túc lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với cháu

Nguyễn Thái Anh V hiện nay đang ở cùng chị V, quá trình giải quyết vụ án cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị V, chị V xin nuôi cháu V và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu V cùng chị 2.000.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi cháu V đủ 18 tuổi, có thể tự túc lao động được. Anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh đồng ý để chị V nuôi cháu V và đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V theo yêu cầu của chị V. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu V và cháu có nguyện vọng xin ở với chị B. Do vậy, cần giao cho chị V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và anh B phải cấp dưỡng nuôi cháu V cùng chị V 2.000.000 đồng/ 01 tháng kể từ tháng 6 năm 2022 là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị V và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị V Thị Kim V được ly hôn với anh Nguyễn Thái B.

2. Về con chung: Giao chị V Thị Kim V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thái Anh V, sinh ngày 02/10/2008. Anh Nguyễn Thái B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V 2.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh B có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị V Thị Kim V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000621 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh V Phúc. Anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- UBND Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Trang Nhung**